

Số: 13/2025/QĐST-VDS

Quảng Bình, ngày 20 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
*V/v: Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

***Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp:* Bà Nguyễn Thanh Hoa

*Thư ký phiên họp:* Ông Đặng Xuân Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên họp:* Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 03/2025/TLST-VHNGĐ ngày 25/02/2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung”; theo Quyết định mở phiên họp số: 179/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Trần Thị N; sinh năm 1994; Nơi ĐKKHKT: Thôn 6, xã Đồng T, huyện Bố T, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ hiện tại: Merler Weg 44, 12681 Berlin, CHLB Đức: Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Anh Trần Đình V; sinh năm 1992; Nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã Đồng T, huyện Bố T, tỉnh Quảng Bình; Hiện cư trú tại: Degnerstr.20, 13053 Berlin, CHLB Đức: Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Theo đơn yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung” lập ngày 30/12/2024, chị Trần Thị N và anh Trần Đình V thống nhất trình bày:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Vợ chồng anh V, chị N yêu nhau và quyết định đi đến kết hôn vào ngày 23/4/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn và chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến hay cãi vã, làm cho cuộc sống gia đình luôn

căng thẳng. Nay anh V, chị N cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh V, chị N làm đơn xin thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh V, chị N có hai con chung là cháu Trần Đình Phúc K, sinh ngày 14/6/2022 và Trần Fel, sinh ngày 08/4/2020. Hiện nay, hai cháu Phúc K và Fel đang sống cùng chị N. Vì vậy, anh V và chị N thỏa thuận để chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Anh V, chị N tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:** Chị Trần Thị N và anh Trần Đình V thống nhất trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết việc dân sự :*

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý và giải quyết việc dân sự tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Trần Thị N và anh Trần Đình V; Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao con chung cháu Trần Đình Phúc K, sinh ngày 14/6/2022 và cháu Trần Fel, sinh ngày 08/4/2020 cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng; Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung: không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận định:

[1]. Về tố tụng: chị Trần Thị N và anh Trần Đình V hiện cư trú tại CHLB Đức có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết yêu cầu trên là đúng pháp luật.

Sau khi thụ lý việc dân sự, Tòa án đã triệu tập nhận được bản tự khai của chị Trần Thị N và anh Trần Đình V và tiến hành các phương thức tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh chị ở nước ngoài theo quy định tại các Điều 474, 475 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ngày 05 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhận được Bản tự khai của chị Trần Thị N và anh Trần Đình V. Các bản tự khai của chị N và anh V có nội dung thống nhất như Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung lập ngày 30/12/2024. Vì điều kiện công việc nên anh V và chị N không thể có mặt để tham gia phiên họp nên anh V và chị N đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

[2]. Về nội dung xét đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung của chị Trần Thị N và anh Trần Đình V:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị N và anh Trần Đình V kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 23/4/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức theo đúng quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do những bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng đã có nhiều cố gắng để hàn gắn hạnh phúc gia đình và kéo dài cuộc hôn nhân nhưng không đạt được kết quả. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt, cả hai không còn quan tâm đến việc hàn gắn hôn nhân và cùng tự nguyện thỏa thuận ly hôn.

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của chị Trần Thị N và anh Trần Đình V.

[2.2]. Về quan hệ con chung:

Chị Trần Thị N và anh Trần Đình V đã thỏa thuận giao con chung là cháu Trần Đình Phúc K, sinh ngày 14/6/2022 và cháu Trần Fel, sinh ngày 08/04/2020 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét.

Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp và đúng pháp luật nên cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị N và anh Trần Đình V thống nhất trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.4]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Trần Thị N và anh Trần Đình V phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 35, 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận sự thỏa thuận anh Trần Đình V chịu toàn bộ Lệ phí giải quyết việc dân sự;

[2.5]. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự không có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 371 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 37, 149, 360, 361, 369, 370, 371, 474, 475 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Trần Đình V.

[2]. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần Thị N và anh Trần Đình V về việc giao con chung cháu Trần Đình Phúc K, sinh ngày 14/6/2022 và Trần Fel, sinh ngày 08/4/2020 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung . Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[3]. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị N và anh Trần Đình V thống nhất trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4]. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm ly hôn của anh Trần Đình V. Anh V đã nộp đủ 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm ly hôn tại biên lai số 0005281 ngày 20/02/2025 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Bình;

[5]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Trần Thị N và anh Trần Đình V không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ra quyết định (20/5/2025).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thanh Hoa**